

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày

tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương
năm 2022, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các
văn bản pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2021/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2021 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán
ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số
183/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

I. Tổng số vốn ngân sách địa phương năm 2022: 1.191.860 triệu đồng, gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương: 870.400 triệu đồng, trong đó:
 - Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 530.200 triệu đồng;
 - Đầu tư từ nguồn thu từ Xổ số kiến thiết: 20.000 triệu đồng;
 - Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 20.200 triệu đồng.
 - Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 300.000 triệu đồng (*đã bao gồm chi trả nợ gốc và lãi: 4.363 triệu đồng*).
2. Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư năm 2022: 321.460 triệu đồng.

(Chi tiết như biểu số 01 kèm theo)

II. Phân bổ vốn chi tiết cho các danh mục công trình, dự án: 1.191.860 triệu đồng, trong đó:

1. **Vốn ngân sách địa phương: 870.400 triệu đồng, gồm:**
 - 1.1. Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý: 317.500 triệu đồng, gồm:
 - Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 37.500 triệu đồng;
 - Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 280.000 triệu đồng;
 - 1.2. Trả nợ gốc (trả nợ vay ưu đãi các dự án ODA): 2.421 triệu đồng.
 - 1.3. Kiên cố hóa kênh mương: 20.000 triệu đồng.
 - 1.4. Bê tông hóa đường GTNT và xây dựng cầu trên đường GTNT: 48.000 triệu đồng, trong đó:
 - Xây dựng cầu (39 cầu): 40.000 triệu đồng.
 - Đường thôn và đường nội đồng: 8.000 triệu đồng.
 - 1.5. Công trình dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021 chưa bố trí đủ vốn (17 CT): 26.171,638 triệu đồng; trong đó:
 - Công trình đã phê duyệt quyết toán (08 CT): 5.686,112 triệu đồng.
 - Công trình chưa phê duyệt quyết toán (09 CT): 20.485,526 triệu đồng.
 - 1.6. Hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách cấp tỉnh (02 CT): 14.000 triệu đồng (*Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ: 5.000 triệu đồng; Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang: 9.000 triệu đồng*).

- 1.7. Công trình chuyển tiếp (72 CT): 336.357,362 triệu đồng, trong đó:
- Công trình dự kiến hoàn thành năm 2022 (24 CT): 75.000 triệu đồng;
 - Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2022 (48 CT): 261.357,362 triệu đồng.
- 1.8. Công trình dự kiến khởi công mới năm 2022 (10 CT): 24.000 triệu đồng.
- 1.9. Lập QH chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh (09 CT): 9.000 triệu đồng.
- 1.10. Công trình thuộc danh mục chuẩn bị đầu tư (160 CT): 19.750 triệu đồng.
- 1.11. Vốn NSĐP bổ sung Chương trình MTQG gia xây dựng nông thôn mới: 33.000 triệu đồng, trong đó: huyện Hàm Yên: 13.000 triệu đồng.
- 1.12. Bội chi ngân sách địa phương (03 công trình): 20.200 triệu đồng.

2. Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư năm 2022: 321.460 triệu đồng, trong đó:

- 2.1. Kiên cố hóa kênh mương (thực hiện nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh): 51.000 triệu đồng.
- 2.2. Đề án bê tông hóa đường GTNT và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021 - 2025: 71.000 triệu đồng; gồm:
- Cầu trên đường Giao thông nông thôn: 41.000 triệu đồng.
 - Đường thôn và đường nội đồng: 30.000 triệu đồng.
- 2.3. Công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (03 CT): 10.600 triệu đồng.
- 2.4. Công trình chuyển tiếp (07 CT): 120.310 triệu đồng; gồm:
- Công trình dự kiến hoàn thành năm 2022 (04 CT): 35.630 triệu đồng.
 - Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2022 (03 CT): 84.680 triệu đồng.
- 2.5. Công trình khởi công mới (05 CT): 42.150 triệu đồng.
- 2.6. Công trình thuộc danh mục chuẩn bị đầu tư (06 CT): 26.400 triệu đồng.

(Chi tiết như biểu số 02 kèm theo)

3. Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: Sau khi được phê duyệt quyết toán số vốn còn thiếu sẽ được bố trí trong thời gian tiếp theo.

(Chi tiết như biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Nguồn vốn TW giao năm 2022	Địa phương giao vốn đầu tư công năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ (A+B)	970.400	1.191.860	
A	VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO	970.400	870.400	
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	530.200	530.200	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000	300.000	Đã bao gồm chi trả nợ gốc và lãi: 4.363 triệu đồng
	<i>Tổng số thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố:</i>		500.000	
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Điều tiết về tỉnh (20%)		100.000	
	<i>- Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất.</i>		<i>50.000</i>	
	<i>- Trích lập quỹ phát triển đất của tỉnh</i>		<i>30.000</i>	
	<i>- Chi đầu tư</i>		<i>20.000</i>	
b)	Phân cấp, để lại huyện, thành phố (80%)		400.000	

STT	Nguồn vốn	Nguồn vốn TW giao năm 2022	Địa phương giao vốn đầu tư công năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	- Trích lập quỹ phát triển đất của tỉnh		120.000	
	- Chi đầu tư		275.637	
	- Chi trả nợ gốc và lãi		4.363	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	20.000	20.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	20.200	20.200	
B	NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ		321.460	
1	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		321.460	
2	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án đầu tư ngoài ngân sách		-	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72 /NQ-HDND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + DBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ								1.191.860,00	530.200,00	20.000,00	300.000,00	20.200,00	321.460,00		
I	VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ								317.500,00	37.500,00		280.000,00				
I.1	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC								37.500,00	37.500,00						
1	Huyện Na Hang								5.100,00	5.100,00						
2	Huyện Lâm Bình								5.000,00	5.000,00						
3	Huyện Chiêm Hoá								6.300,00	6.300,00						
4	Huyện Hàm Yên								4.800,00	4.800,00						
5	Huyện Yên Sơn								6.400,00	6.400,00						
6	Huyện Sơn Dương								6.200,00	6.200,00						
7	Thành phố Tuyên Quang								3.700,00	3.700,00						
I.2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT								280.000,00			280.000,00				
<i>a)</i>	<i>Chi đầu tư</i>								<i>275.637,00</i>			<i>275.637,00</i>				
1	Huyện Na Hang								4.480,00			4.480,00				
2	Huyện Lâm Bình								3.920,00			3.920,00				
3	Huyện Chiêm Hoá								14.000,00			14.000,00				
4	Huyện Hàm Yên								16.800,00			16.800,00				
5	Huyện Yên Sơn								28.000,00			28.000,00				
6	Huyện Sơn Dương								78.400,00			78.400,00				
7	Thành phố Tuyên Quang								130.037,00			130.037,00				
<i>b)</i>	<i>Chi trả nợ gốc và lãi</i>								<i>4.363,00</i>			<i>4.363,00</i>				
II	CHI TRẢ NỢ GỐC								2.421,00	2.421,00						

UBND huyện, thành phố khi phân bổ vốn đầu tư: Tập trung làm đường thôn và đường nội đồng (Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-HDND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tổng thu tiền SD đất huyện, thành phố: 500.000 triệu đồng; Trong đó: - Điều tiết về tỉnh (20%): 100.000 triệu đồng, thực hiện trích lập các khoản: Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất: 50.000 triệu đồng; Chi đầu tư: 20.000 triệu đồng. - Phân cấp để lại cho huyện, thành phố: 400.000 triệu đồng, thực hiện trích lập các khoản: Trích lập quỹ phát triển đất: 120.000 triệu đồng; Chi để đầu tư: 275.637 triệu đồng.

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
III	HỖ TRỢ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG (THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09/NQ-HĐND NGÀY 15/12/2020 CỦA HĐND TỈNH)							50.000,00	71.000,00	20.000,00				51.000,00	Có kế hoạch phân bổ riêng	Số kinh phí còn thiếu bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
IV	ĐỀ ÁN BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GTNT VÀ XÂY DỰNG CẦU TRÊN ĐƯỜNG GTNT GIAI ĐOẠN 2021-2025							128.410,38	119.000,00	48.000,00				71.000,00		
1	Cầu trên đường GTNT							70.000,00	81.000,00	40.000,00				41.000,00	Sở Giao thông Vận tải (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Tổng số: 91.650 trđ. Năm 2022, xây dựng 39 cầu
2	Đường thôn và đường nội đồng							58.410,38	38.000,00	8.000,00				30.000,00	Các huyện, thành phố (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Tổng số: 66.500 trđ; trong đó: XDCB vốn tập trung trong nước: 36.500 trđ (Vốn phân cấp cho huyện, thành phố: 29.520 trđ); Vốn tỉnh quản lý: 6.980 trđ); số vốn còn thiếu cân đối từ nguồn chi thường xuyên bổ sung vốn đầu tư
V	CT DỰ KIẾN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2021 CHƯA BỐ TRÍ ĐỦ VỐN			1.519.080,00	1.058.453,87	988.739,85	345.296,65	837.901,83	36.771,638	26.171,638				10.600,00		20 Công trình
V.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			830.000,61	373.222,54	346.342,88	345.296,65	339.612,11	5.686,112	5.686,112						08 Công trình
1	Công trình cầu Bắc Mực, huyện Hàm Yên (Kinh phí chuẩn bị đầu tư)	2010-2011		25.900,00	25.900,00	426,08	426,078	200,00	226,078	226,078						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ
2	Đường Yên Hoa - Sinh Long (ĐH02)			47.652,10	33.720,80	33.720,00	33.720,00	33.696,00	24,80	24,80						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ
3	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn (Quyết toán Giai đoạn 1)			250.200,00	109.502,00	109.502,00	109.502,00	107.000,00	2.502,00	2.502,00						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ
4	Công trình cầu Bà Đạo, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			109.671,90	97.880,90	97.880,80	97.880,80	97.863,80	17,000	17,00						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ
5	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2, tỉnh Tuyên Quang (Quyết toán phần dừng thực hiện)			351.041,00	61.236,30	61.236,30	61.236,30	61.034,80	201,50	201,50						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ
6	Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình (Nhà làm việc của HĐND và UBND huyện)			37.244,91	36.691,84	35.580,14	34.564,14	33.667,95	897,00	897,00						UBND huyện Lâm Bình
7	Xây dựng công trình Bến thủy Bản Lãm, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang,	2020-2021		4.705,43	4.705,43	4.439,91	4.439,91	4.399,57	40,30	40,30						UBND huyện Na Hang
8	Cải tạo, sửa chữa nhà điều trị A3, nhà hành chính, nhà dược và một số hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang			3.585,27	3.585,27	3.557,66	3.527,434	1.750,00	1.777,434	1.777,434						Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang
V.2	Công trình chưa phê duyệt quyết toán			689.079,39	685.231,33	642.396,97		498.289,71	31.085,526	20.485,526				10.600,00		12 Công trình
1	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023		155.044,10	155.044,10	152.356,12		125.600,00	10.000,00					10.000,00	Sở Giao thông Vận tải	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh, thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang.			2.756,33	2.801,00	2.801,00		2.300,00	500,00					500,00	Ban chấp hành Đoàn tỉnh Tuyên Quang.	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Xây dựng biên giới các tỉnh Vĩnh Phúc và Hà Giang	2020-2021		2.499,57	2.500,00	2.500,00		2.400,00	100,00					100,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
4	Xây dựng cầu Bán Khiển, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	2020-2022		24.755,03	20.861,87	20.861,87		18.700,00	1.000,00	1.000,00					UBND huyện Lâm Bình	
5	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		8.829,57	8.829,57			7.030,97	1.000,00	1.000,00					UBMT Tổ quốc tỉnh	
6	Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy.	2020-2021		5.036,85	5.036,85	5.036,85		4.500,00	300,00	300,00					Văn phòng Tỉnh ủy	
7	Xây dựng Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm Yên Sơn	2020-2021		6.585,78	6.585,78	6.347,84		5.480,56	414,732	414,732					Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	
8	Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	2020-2022		11.824,25	11.824,25	11.261,19		9.156,26	1.000,00	1.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang	
9	San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000,00	80.000,00	72.957,20		72.246,31	1.000,00	1.000,00					Trường Đại học Tân Trào	
10	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn (nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang); Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư			19.183,20	19.183,20	19.183,20		17.547,00	6.820,794	6.820,794					UBND huyện Yên Sơn	
11	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2020 tầm nhìn đến năm 2050	2020-2021		48.872,69	48.872,69	39.872,69		27.610,27	8.950,00	8.950,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư	
12	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2016-2020		323.692,01	323.692,01	309.219,00		205.718,34							UBND thành phố Tuyên Quang	
	Tuyến số 1: Điểm đầu tuyến giao với QL2C (Km 135+00 tại khu vực cầu Thôn Thượng, xã Tráng Đà, thành phố Tuyên Quang), điểm cuối tuyến tại nút giao QL37, QL2C và đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Thái Bình, huyện Yên Sơn				278.391,93	263.919,00		182.648,79								Hàng năm bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách của UBND thành phố TQ
	Tuyến số 02 (Địa phận phường Tân Quang, Minh Xuân)				45.300,07	45.300,00		23.069,55								
VI	HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			310.076,55	217.051,46	213.159,30		149.688,10	14.000,00	14.000,00						02 Công trình
1	Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ			295.126,55	202.101,46	198.209,30		135.688,10	5.000,00	5.000,00					UBND-TPTQ	
2	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	2021		14.950,00	14.950,00	14.950,00		14.000,00	9.000,00	9.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Năm 2021, Ứng trước từ NS tỉnh: 14.000 triệu đồng
VII	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP			9.321.696,09	3.021.458,49	1.528.800,68	238.304,59	3.318.947,05	476.867,362	331.357,362	5.000,00		20.200,00	120.310,00		72 Công trình
VII.1	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2022			1.119.105,84	550.834,39	255.079,84		759.341,79	115.691,00	75.000,00			5.061,00	35.630,00		24 Công trình
(1)	Giao thông			370.834,62	345.396,58	177.000,01		247.420,15	63.630,00	28.000,00				35.630,00		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kê bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2020-2022		31.481,10	31.481,10			14.297,74	14.000,00	14.000,00					Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Dộc Vầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022		200.000,00	181.083,92	143.274,02		148.008,00							UBND huyện Sơn Dương	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khản, xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2023		29.400,00	29.400,00			18.400,00	11.000,00					11.000,00	Sở Tài chính	
4	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sở Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	2021-2023		18.200,00	18.200,00			7.500,00	10.700,00					10.700,00	Sở Tài chính	
5	Cầu Chinh, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		38.747,13	32.225,18			25.000,00	13.715,00					13.715,00	Sở Tài chính	
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu Di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc và khu trung tâm xã Bình nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		18.006,38	18.006,38			17.345,00	215,00					215,00	Sở Tài chính	
7	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	2021-2022		14.000,00	14.000,00	13.409,40		7.369,41	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
8	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2022		13.000,00	13.000,00	12.582,53		4.500,00	7.000,00	7.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
9	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2022		8.000,00	8.000,00	7.734,06		5.000,00	2.000,00	2.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
(2)	Quản lý Nhà nước			105.373,87	105.373,87	38.478,84		55.000,00	35.000,00	35.000,00						
1	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373,87	45.373,87	38.478,84		38.000,00	4.000,00	4.000,00					Sở KH và CN	
2	Trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00			3.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
3	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00			3.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
4	Trụ sở UBND xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00			2.000,00	6.000,00	6.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
5	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00			3.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
6	Trụ sở UBND xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	2021-2023		10.000,00	10.000,00			3.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Hàm Yên	
7	Trụ sở UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2021-2023		10.000,00	10.000,00			3.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Hàm Yên	
8	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2025		111.705,26	74.377,60	64.309,00		65.000,00							Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
(3)	Giáo dục và đào tạo			50.222,29	12.422,29			27.100,00	2.000,00	2.000,00						

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	2018-2022		45.000,00	7.200,00			22.000,00	2.000,00	2.000,00					Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang	2021-2023		5.222,29	5.222,29			5.100,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(4)	Y tế			76.218,00	76.218,00	39.601,00		53.000,00	5.000,00	5.000,00						
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y, Dược cổ truyền Tuyên Quang			76.218,00	76.218,00	39.601,00		53.000,00	5.000,00	5.000,00					Bệnh viện Y, Dược cổ truyền Tuyên Quang	
(5)	Công nghệ thông tin			9.076,27	9.076,27			3.000,00	4.000,00	4.000,00						
1	Dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tinh tuyên quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 – 2022.	2021-2023		9.076,27	9.076,27			3.000,00	4.000,00	4.000,00					Sở Thông tin và truyền thông	
(6)	Văn hóa - Xã hội			2.347,38	2.347,38			1.000,00	1.000,00	1.000,00						
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.			2.347,38	2.347,38			1.000,00	1.000,00	1.000,00					Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
(8)	Các dự sử dụng vốn ODA			505.033,42				372.821,64	5.061,00				5.061,00			
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)			251.660,00				211.476,41	2.627,00				2.627,00			
2	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả			253.373,42				161.345,23	2.434,00				2.434,00			
VII.2	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH SAU NĂM 2022			8.202.590,25	2.470.624,10	1.273.720,84	238.304,59	2.559.605,26	361.176,362	256.357,362	5.000,00		15.139,00	84.680,00		48 Công trình
(1)	Công nghiệp			950.096,56	339.834,78	227.718,06		224.258,36	10.000,00	10.000,00						
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020 (Năm 2022 đầu tư công trình cấp điện cho 05 thôn chưa có điện lưới Quốc gia: Thôn Khuôn Thắm, xã Tân Mỹ, thôn Khuôn Lắm, xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa; Thôn Vàng On, xã Trung Minh, Thôn Khuổi Ma, thôn Tấu Lìn xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn)			950.096,56	339.834,78	227.718,06		224.258,36	10.000,00	10.000,00					Sở Công Thương	
(2)	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			978.061,49	321.610,72	147.342,87	56.077,91	397.509,61	55.000,00	55.000,00						
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn			83.238,98				32.420,00	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
2	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tắt Ké xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			88.000,00				35.000,00	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Na Hang	
3	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		36.924,41	36.924,41			12.750,00	10.000,00	10.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	
4	Dự án Kè bờ suối Nậm Chang bảo vệ khu trung tâm hành chính huyện Lâm Bình (Năm 2022 bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn GD 3)			150.132,00	124.076,53	88.039,66	28.038,96	87.217,58	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang			54.213,80	54.213,80	29.963,55		29.084,46	5.000,00	5.000,00					UBND Thành phố Tuyên Quang	
6	Kè chống sạt lở bờ suối xã Côn Lôn, huyện Na Hang			120.000,00				48.100,00							UBND huyện Na Hang	
7	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang			80.000,00				12.000,00							UBND huyện Na Hang	
8	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm sạt lở, sụt lún đất thôn Nà Đứa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022		44.181,32	33.181,32			35.000,00							UBND huyện Na Hang	
(3)	Giao thông			4.148.150,00	159.940,87	38.956,22		1.020.507,18	94.680,00	10.000,00				84.680,00		
1	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khào đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.	2021-2023		44.980,00	44.979,72			20.168,18	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Na Hang	
2	Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bản Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024		238.300,00	70.061,15			25.019,00	30.000,00					30.000,00	UBND huyện Chiêm Hóa	Bổ trí từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
3	Xây dựng cầu Trắng 2 qua sông phó đáy, đi khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		44.900,00	44.900,00	38.956,22		3.000,00	10.000,00					10.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		72.000,00				21.820,00	44.680,00					44.680,00	Sở Tài chính	
5	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2024		3.112.970,00				950.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
6	Đầu tư xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Km14QL2 Tuyên Quang - Hà Giang)	2021-2025		635.000,00				500,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
(4)	Quản lý Nhà nước			494.160,12	397.876,28			83.000,00	144.000,00	144.000,00						
1	Trụ sở làm việc của Huyện ủy và khối dân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		50.981,00	50.981,00			10.000,00	10.000,00	10.000,00					VP Huyện ủy Chiêm Hóa	
2	Trụ sở UBND xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.620,30	11.620,30			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
3	Trụ sở UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.998,00	14.998,00			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
4	Trụ sở UBND xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.768,61	12.768,61			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
5	Trụ sở UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.997,00	14.997,00			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
6	Trụ sở UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.771,14	11.771,14			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
7	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.649,70	12.649,70			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
8	Trụ sở UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.717,62	12.717,62			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Trụ sở UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.719,60	12.719,60			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
10	Trụ sở UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.349,75	13.349,75			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
11	Trụ sở UBND xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.617,54	12.617,54			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
12	Trụ sở UBND xã Lục Hành, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.149,60	13.149,60			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
13	Trụ sở UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.684,20	14.684,20			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
14	Trụ sở UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.344,41	12.344,41			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
15	Trụ sở UBND xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.356,61	13.356,61			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
16	Trụ sở UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.316,06	13.316,06			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
17	Trụ sở UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.378,69	13.378,69			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
18	Trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
19	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	2021-2023		13.664,79	13.664,79			3.000,00	4.000,00	4.000,00					UBND huyện Lâm Bình	
20	Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
21	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.371,44	13.371,44			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	
22	Trụ sở UBND Phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang	2021-2023		21.755,00	21.755,00			2.000,00	5.000,00	5.000,00					UBND TP Tuyên Quang	
23	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		18.356,21	18.356,21			5.000,00	5.000,00	5.000,00					Văn phòng UBND tỉnh	
24	Đầu tư xây dựng Nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2021-2023		39.509,00	39.509,00			10.000,00	10.000,00	10.000,00					Bộ CHQS tỉnh	
25	Đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tại địa điểm mới	2021-2024		96.283,85				10.000,00	20.000,00	20.000,00					Công an tỉnh	
(5)	Giáo dục - Đào tạo			22.000,00				5.383,36	5.000,00		5.000,00					
1	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023		22.000,00				5.383,36	5.000,00		5.000,00				UBND huyện Yên Sơn	
(6)	Văn hóa - Xã hội			352.918,37	250.696,70			145.100,00	27.000,00	27.000,00						
1	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	2020-2024		180.769,43	138.656,02			76.700,00	10.000,00	10.000,00					Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Dự án Nhà làm việc, trung tâm kỹ thuật và nhà studio của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	2020-2024		87.148,94	87.148,94			37.400,00	10.000,00	10.000,00					Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình	2016-2020		85.000,00	24.891,74			31.000,0	7.000,00	7.000,00					UBND huyện Lâm Bình	
(7)	Công nghệ thông tin				26.600,00			25.800,57								
1	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025	2021-2025			26.600,00			25.800,57							Sở Thông tin và truyền thông	Năm 2021: 11.800 trử cấp cho huyện, thanh phố qua QĐ giao dự toán ngân sách
	Trong đó: Dự án triển khai mở rộng hệ thống hội nghị giao ban điện tử tỉnh Tuyên Quang đến cấp xã				26.600,00			25.800,57								
(8)	Các dự sử dụng vốn ODA			1.257.203,70	974.064,76	859.703,69	182.226,68	658.046,17	25.496,362	10.357,362			15.139,000			
1	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	2019-2023		413.916,70	254.850,00	245.500,00		113.330,59	7.000,00	7.000,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc thông qua KOICA
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	2019-2025							357,362	357,362					Sở Y tế	
3	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang	2015-2020		843.287,00	719.214,76	614.203,69	182.226,68	544.715,58	18.139,00	3.000,00			15.139,00		UBND - TPTQ	
3.1	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1 (2015-2016)	2015-2016		167.664,68	172.890,80	163.111,85	155.749,42	155.050,00								
3.2	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 2	2017-2020		701.167,87	546.323,96	451.091,84	26.477,26	389.665,58								
	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng khu Lia's phường Ý La (LIA'S 3) các khu dân cư Đền Mẫu, khu Quán Hùng tổ 13, tổ 6 phường Ý La				40.649,13											
	- Cải tạo, nâng cấp đường tổ 16,17 đường Chu Văn An (Đoạn từ tổ 16 đường Lê Hồng Phong đến đền Cây Xanh đường Chu Văn An) phường Minh Xuân				12.706,38			163.931,84								
	- Cải tạo nâng cấp hồ Trung Việt, An Tường				118.768,15											
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm sát hạch lái xe đi Viên Châu (đoạn 2: Từ Quốc lộ L2 cũ đi Viên Châu)				55.215,31											
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Tân Hà				24.766,36			16.998,15								
	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng khu Lia's phường Tân Hà (LIA'S 1) các tổ 2, 3, 4, 14, 15 (cũ, nay là tổ 40 phường Minh Xuân), 16, 17, 18, 19, 25, 26, 27, 28				57.108,58											
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tiên Lũng, phường Ý La				26.279,85											
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Tân Trào đi qua mỏ đá Thiên Sơn tổ 18 Nông Tiến qua làng Dùm, phường Nông Tiến - Thiên viện Chính pháp Tuyên Quang đến đường Đền Cẩm, xã Trảng Đà				147.536,44											
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường trung tâm thành phố đi thôn Sông Lô 7, An Tường (chuyển đổi sang Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tuyên Quang)															
						173.237,00										

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Phan Thiết đi đường 17/8, phường Phan Thiết				14.545,03											
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Bình Thuận (QL37) tại tổ 18, phường Hưng Thành qua khu tái định cư Ngọc Kim đến đường mở rộng Lê Lợi				48.748,74											
VIII	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022			279.627,74				6.400,00	66.150,00	19.000,00	5.000,00			42.150,00		10 Công trình
VIII.1	Giao thông			45.000,00				1.000,00	20.000,00	10.000,00				10.000,00		
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường ĐH.04 đoạn từ Quốc lộ 279 đến Trung tâm xã Hồng Thái, huyện Na Hang			45.000,00				1.000,00	20.000,00	10.000,00				10.000,00	UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Xây dựng tuyến đường trên địa phận huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (khoảng 4,0 km), thuộc Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang.	2021-2025		130.000,00											UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Đầu tư xây dựng đường kết nối liên kết vùng Tuyên Quang - Hà Giang với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	2021-2025		4.247.000,00											Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Dự án đề nghị hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương; trong đó NSTW hỗ trợ 2.712.000 triệu đồng
VIII.2	Giáo dục - Đào tạo			192.308,94				400,00	29.850,00		5.000,00			24.850,00		
1	Xây dựng Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Na Hang	2021-2025		109.292,97											UBND huyện Na Hang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến (Vốn tập đoàn điện lực Việt Nam tài trợ: 50.000 trđ; Vốn CTMT quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS:
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học và THCS Lê Văn Hiến tại xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	2022-2023		69.523,72					24.850,00					24.850,00	Sở Tài chính	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THPT Trung Sơn, huyện Yên Sơn.	2021-2023		13.492,26				400,00	5.000,00		5.000,00				Sở Giáo dục và đào tạo	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
VIII.3	Quản lý Nhà nước			34.912,00				5.000,00	9.000,00	9.000,00						
1	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2021-2023		34.912,00				5.000,00	9.000,00	9.000,00					Báo Tuyên Quang	
VIII.4	Văn hóa - Xã hội			7.406,80					7.300,00					7.300,00		
1	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.			1.220,00					1.200,00					1.200,00	Bảo tàng tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Cải tạo, mở rộng phòng Lễ tân tầng 1, Trung tâm hội nghị tỉnh TQ			3.500,00					3.500,00					3.500,00	Văn phòng UBND tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Cải tạo, xây dựng phòng Studio của Báo Tuyên Quang			2.686,80					2.600,00					2.600,00	Báo Tuyên Quang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
IX	LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH								9.000,00	9.000,00						
1	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
3	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
4	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Đà Vị, huyện Na Hang								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
5	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hồng Thái, huyện Na Hang								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
6	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
7	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phù Lừ, huyện Hàm Yên								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
8	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
9	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn								1.000,00	1.000,00					Sở Xây dựng	
X	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			4.726.719,97				5.616,66	46.150,00	11.750,00	8.000,00			26.400,00		160 Công trình
(1)	Quản lý Nhà nước			217.762,00				350,00	4.750,00	350,00				4.400,00		
1	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Y tế			4.962,00					4.400,00					4.400,00	Sở Y tế	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Cải tạo, nâng cấp trường chính trị tỉnh Tuyên Quang			20.000,00				50,00	200,00	200,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng Hạt kiểm lâm Na Hang							100,00							Sở NN&PTNT	
4	Xây dựng Hạt kiểm lâm Lâm Bình							100,00							Sở NN&PTNT	
5	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc liên cơ quan														Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Cải tạo, nâng cấp Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							50,00							Bộ CHQS tỉnh	
7	Xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Sơn Dương														UBND huyện Sơn Dương	
8	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang			5.500,00					50,00	50,00					Sở Giáo dục và Đào tạo	
9	Dự án cơ sở làm việc của Công an 50 xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;			150.000,00					100,00	100,00					Công an tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
	- Cơ sở làm việc của Công an 09 xã, gồm: Xã Hồng Quang , xã Phúc Yên , huyện Lâm Bình; Xã Linh Phú , huyện Chiêm Hóa; Xã Đại Phú , huyện Sơn Dương; Xã Yên Lâm , xã Minh Hương , huyện Hàm Yên; Thị trấn Yên Sơn , huyện Yên Sơn; Thị trấn Na Hang , huyện Na Hang; Xã Kim Phú , thành phố Tuyên Quang.								100,00	100,00						
10	Xây dựng trụ sở nhà làm việc trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông														Sở Thông tin và truyền thông	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
11	Xây dựng Nhà làm việc của Sở Tư Pháp														Sở Tư pháp	
12	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kho thuộc phòng Hậu cần, Công an tỉnh Tuyên Quang							50,00							Công an tỉnh	
13	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở ương tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa															
14	Cải tạo hang động tự nhiên bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (gồm: Hang cao tại xã Yên Phú, huyện Hàm Yên; Hang Cầu Cỏ, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa; hang Đung tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn; hang Tân Tiến 1, xã Tân Tiến huyện Yên Sơn; hang Hùm tại xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn)			37.300,00											Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
(2)	Giao thông			2.281.756,00				100,00	16.100,00	6.100,00				10.000,00		
1	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, đoạn từ xã Tân Thành - xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên (khoảng 11km)								100,00	100,00					UBND huyện Hàm Yên	
2	Xây dựng Cầu và đường từ xã Ninh Lai đi xã Sơn Nam huyện Sơn Dương.			165.000,00											UBND huyện Sơn Dương	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Khu di tích Bộ Tài chính thôn Đồng Tâm nối với đường ĐH.06 (Vinh Quang - Bình Nhân) tại Km4+100, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2022-2023		14.956,00					10.000,00					10.000,00	Sở Tài chính	
4	Dự án cầu qua Sông Lô Gâm và đường dẫn cầu từ trung tâm thị trấn Yên Sơn đi xã Tân Long nối với Quốc lộ 2C (giai đoạn 1, 2021-2025 đầu tư xây dựng đường dẫn cầu dài 6 Km)			79.800,00					1.000,00	1.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Tuyến đường giao thông đoạn từ xã Đạo Viện đi xã Công Đa (huyện Yên Sơn) tiếp giáp địa phận xã Trung Yên, huyện Sơn Dương) tỉnh Tuyên Quang			70.000,00					1.000,00	1.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 từ xã Đức Ninh - Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.			76.000,00					1.000,00	1.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.05 từ xã Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục, huyện Hàm Yên			96.000,00					1.000,00	1.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
8	Xây dựng cầu và tuyến đường từ ngã 3 Tân Phúc thị trấn Sơn Dương đi qua các thôn: Tân Hòa, Phúc Hòa và Phúc ứng, tổ dân phố Bắc Hoàng, thị trấn Sơn Dương đến tổ dân phố Làng Cả thị trấn Sơn Dương đầu nối với đường ĐT.185			216.000,00					1.000,00	1.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
9	Đầu tư xây đường từ xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa đến Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang kết nối Quốc lộ 279 đến huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn			980.000,00					200,00	200,00					Sở Giao Thông Vận tải	
10	Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang														UBND - TPTQ	
11	Dự án cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang														BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
12	Xây dựng cầu Minh Xuân - Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang														BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
13	Cải tạo, nâng cấp đường từ Km27 Quốc lộ 2 đi thôn Trung Thành 1, xã Thành Long, huyện Hàm Yên.			38.000,00					100,00	100,00					UBND huyện Hàm Yên	
14	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ĐT.186 đoạn từ Km15+300 đến Km17+500 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.			26.000,00											UBND huyện Sơn Dương	
15	Xây dựng đường và Cầu Đen trên đường ĐH.09 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			32.000,00											UBND huyện Sơn Dương	
16	ĐT XD tuyến đường từ xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương (Cụm CN Thiện Kế - Ninh Lai) đến xã Đạo Trù để kết nối với đường Tam Đảo - nút giao IC4 cao tốc Nội Bài - Lào Cai tỉnh Vĩnh Phúc			480.000,00											UBND huyện Sơn Dương	
17	Đầu tư xây dựng cầu qua sông Phó Đáy tại xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn			8.000,00											UBND huyện Yên Sơn	
18	Tuyến đường Khu công nghiệp Tam Đa, huyện Sơn Dương đến xã Quang Yên, huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc kết nối với nút giao IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai														UBND huyện Sơn Dương	
19	Đường từ đường Quốc lộ 2 vào xóm 18, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	
20	Đường từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
21	Đường từ Tát Ngà xã Phúc Yên đến Bến Thủy tại khu vực Nà Năm, xã Thụy Loa (cũ), huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
22	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang							100,00							UBND huyện Na Hang	
23	Đường giao thông nông thôn vào vùng sản xuất nông nghiệp tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.								200,00	200,00					UBND huyện Na Hang	
24	Đường và cầu nối từ Quốc Lộ 2C qua khu Bể tròn xã Phúc ứng bắc qua sông Phó Đáy sang tổ dân phố Làng Cá, thị trấn Sơn Dương nối đường ĐT 185														UBND huyện Sơn Dương	
25	Nâng cấp đoạn đường ĐT 186 từ Km 15+300 đến Km 17+500 (đoạn từ UBND xã Tam Đa đi Cụm công nghiệp Tam Đa)														UBND huyện Sơn Dương	
26	Kéo dài Tuyến đường Đông Thọ - Tân Thanh đến xã Hợp Hòa huyện Sơn Dương														UBND huyện Sơn Dương	
27	Đường từ Quốc lộ 2 thị trấn Yên Sơn kết nối với đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang.														UBND huyện Yên Sơn	
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.188 đoạn từ xã Phúc Ninh đi xã Quý Quân, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	
29	Đường từ trung tâm xã Trung Minh kết nối với thôn Làng Phan, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn														UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
30	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục ngang kết nối Quốc lộ 2 với đường trục phát triển đô thị thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn.								200,00	200,00					UBND huyện Yên Sơn	
31	Sửa chữa cầu bắc qua sông Gâm, tổ 4 thị trấn Na Hang															
32	Dự án đường Hang Khào - Bắc Danh kết nối với Quốc lộ 2C, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang															
33	Mở mới tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ tổ dân phố Làng Cá đi tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
34	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường 13B kéo dài từ Tổ dân phố Thịnh Tiến đến tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương															
35	Xây dựng đường Đường Kim Bình - Bình Nhân huyện Chiêm Hóa															
36	Xây dựng đường đô thị dọc hai bờ sông Phó Đáy trên địa bàn Thị trấn Sơn Dương kết hợp xây đập dâng nước tại khu vực hạ lưu sông Phó Đáy, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
37	Xây dựng tuyến đường kết nối vùng từ thôn Phúc Vượng xã Phúc Ứng đi qua UBND xã Phúc Ứng đến thôn Làng Mông, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang								200,00	200,00						
38	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 185 đoạn từ Km173+400 - Km204+500, Ngã ba cầu Ba Đạo - xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.															
39	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 188 đoạn từ Km0 - Km48+00 (Km151+600, QL.2 - thôn Vĩnh Bảo, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).															
40	Đường Yên Phú đi Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang								100,00	100,00						
41	Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 37 (xã Thái Bình) - xã Công Đa - xã Đạo Viện - Xã Kiến Thiết															
42	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.185 (đoạn từ Cầu Treo đến thôn Khuổi Củng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình)															
43	Tuyến đường Kim Bình - Tri Phú - Linh Phú (giáp với xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kan)															
44	Đường từ Hang Khào, thị trấn Na Hang đi Lũng Giang, Nà Khá xã Năng Khả giao với QL.279															
45	Đường giao thông Hồng Quang - Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình															
(3)	Y tế			33.500,00					5.250,00	250,00	5.000,00					

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen, tỉnh Tuyên Quang (địa điểm mới)			20.000,00					100,00	100,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	2022-2023		13.500,00					5.000,00		5.000,00				Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
3	Dự án cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)								50,00	50,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
4	Xây dựng nhà điều trị, nhà làm việc Trung tâm Y tế, huyện Hàm Yên								100,00	100,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(4)	Giáo dục đào tạo, việc làm và dạy nghề			412.538,00				50,00	8.250,00	250,00	3.000,00			5.000,00		
1	Trường THCS Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Gồm Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng; Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; Nhà chức năng 2 tầng 8 phòng; Nhà đa năng 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ; lắp đặt trang thiết bị các phòng)	2022-2024		76.500,00					3.000,00		3.000,00				UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS - THPT Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.			136.038,00					5.000,00					5.000,00	Sở Tài chính	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang			20.000,00					50,00	50,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Dự án xây dựng Trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang (tại địa điểm mới)			180.000,00					100,00	100,00					Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Lâm Bình								100,00	100,00					UBND huyện Lâm Bình	
6	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Na Hang														UBND huyện Na Hang	
7	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Sơn							50,00							UBND huyện Yên Sơn	
8	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo														Sở Giáo dục và Đào tạo	
(5)	Văn hóa - Xã hội - Thể thao - Du lịch			591.738,97				309,13	8.100,00	4.100,00				4.000,00		
1	Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2)							309,13	700,00	700,00					Sở Xây dựng	
2	Quy hoạch bảo quản tu bổ phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang-Lâm Bình														Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
3	Xây dựng Trung tâm Chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng và người cao tuổi tỉnh Tuyên Quang (Năm 2022, bố trí vốn đầu tư để thực hiện công tác bồi thường, GPMB)			39.000,00					3.000,00	3.000,00					Sở Lao Động - Thương Binh và Xã hội	Dự án do Bộ LĐTB&XH đầu tư
4	Dự án Khu di tích xưởng Quân khí H52 (thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang)	2022-2023		8.263,86					4.000,00					4.000,00	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	VỐN NSDP: 7.938,219 triệu đồng góp của cán bộ, chiến sĩ Bộ CHQS tỉnh: 305,639 triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng; nhà làm việc của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; Khu nội trú cho học viên các lớp đội tuyển			450.000,00					100,00	100,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình.								100,00	100,00					UBND huyện Lâm Bình	
7	Trung bày Bảo tàng Tân Trào thuộc Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025			44.000,00					100,00	100,00					Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích cây đa Tân Trào thuộc khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương.			475,11											Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
9	Đầu tư, cải tạo chống xuống cấp Di tích lịch sử Quốc gia Chiến thắng khe Lau, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn														Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
10	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hàm yên (địa điểm mới)			50.000,00					100,00	100,00					UBND huyện Hàm Yên	
11	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2)														UBND huyện Sơn Dương	
12	Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang														Sở Xây dựng	
13	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Sơn Dương															
14	Xây dựng trung tâm Hội nghị huyện Sơn Dương															
15	Dự án Bảo tồn, tôn tạo Di tích quốc gia đặc biệt Đại hội II Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang															
16	Xây dựng trung tâm văn hóa và điện ảnh tỉnh Tuyên Quang															
17	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Quốc gia đặc biệt Tân Trào															
18	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn giai đoạn 2															
19	Dự án bảo quản tu bổ phục hồi di tích lịch sử cách mạng; trung tu tôn tạo quảng trường Nguyễn Tất Thành (Đền thờ, tượng đài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang)															
20	Xây dựng bãi đỗ xe, nhà chờ khách và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bến thủy xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang															
21	Dự án trồng hoa tạo cảnh quan tại Khu danh thắng quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình															
22	Đầu tư phát triển hạ tầng khung khu du lịch (gồm 5 tiểu dự án)															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
(6)	Phát thanh truyền hình							100,00								
1	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang							100,00							Đài PTTH tỉnh	
(7)	Công nghệ thông tin			9.500,00					500,00	500,00						
1	Dự án Hệ thống phần mềm: quản lý kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hộ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2022-2023		9.500,00					500,00	500,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư	
(8)	Nông lâm nghiệp, thủy lợi			270.000,00				4.574,42	3.100,00	100,00				3.000,00		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngồi, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			265.000,00				2.384,42							Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
2	Gia cố chống sạt lở bờ sông Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2022		5.000,00				2.000,00	3.000,00					3.000,00	Sở Tài chính	
3	Dự án kè chống sạt lở Bờ sông Phó Đáy xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
4	Kè bảo vệ tuyến đê An Khang - Thái Long, thành phố Tuyên Quang														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển	Dự án do Bộ NN&PTNT đầu tư
5	Kè chống sạt lở khu vực bờ Soi Sính (di tích lịch sử cấp tỉnh), xã Tân Long, huyện Yên Sơn.															
6	Dự án kè chống sạt lở bờ suối Hè, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên														Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển	
7	Xây dựng hồ thủy lợi Nà Thôm, Xã Thanh Tương, huyện Na Hang							190,00							UBND huyện Na Hang	
8	Đầu tư xây dựng hạng mục hệ thống kênh dẫn đập thủy lợi Ô rô, xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên								100,00	100,00					UBND huyện Hàm Yên	
9	Kè bờ suối thôn Nặm Đíp, Làng Chùa, Nà Khả, xã Lãng Can, huyện Lâm Bình														UBND huyện Lâm Bình	
10	Thủy lợi Hồ Nà Dân xã Thanh Tương, huyện Na Hang															
11	Kè chống sồi lở bờ suối Nà Thái, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, huyện Na Hang															
12	Thủy lợi Phiêng Bung, xã Năng Khả, huyện Na Hang															
13	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất thôn Nà Luông, Nà Xé, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.															
14	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn thôn Thái Khao, Quảng Tân, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
15	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Trang, Khuổi Cúng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình,															
16	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai nguy hiểm do lũ quét thôn Nặm Chá, Đon Bá và Khau Quang, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình.															
17	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khau Hán, Phú Linh, Lung Lừa xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa															
18	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Hàm Yên (Làng Bát, Làng Lếch, hồ Khờn, Tam Tinh, Kim Giao)															
19	Kè chống sạt lở bờ sông Lô, khu dân cư đoạn Chợ Thụt, xã Phú Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang															
20	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Na Hang															
21	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Lâm Bình															
22	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Hàm Yên															
23	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Chiêm Hóa (Pác Nhang, Thôn Chán, Đèo Cháp, Bản Lai)															
24	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Sơn Dương															
25	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Yên Sơn															
26	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ thành phố Tuyên Quang															
27	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Chiêm Hóa															
28	Cụm công trình hồ tích nước thủy lợi xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương															
29	Dự án kè bảo vệ tuyến đê đoạn thôn Xạ Hương, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương															
30	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Đát Đền, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
31	Kè bảo vệ bờ sông Lô, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương															
32	Kè chống sạt lở bờ sông Lô đoạn qua Bến phà Cũ - Cầu Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên															

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
33	Kè chống sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên															
34	Kè suối xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa															
35	Kè suối Cầu Cạ, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa															
36	Kè suối Cỏ Linh, xã Kinh Bình, huyện Chiêm Hóa															
37	Kè sông Gâm, đoạn qua Phố Chính xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa															
(9)	Công nghiệp			109.925,00												
1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện Hàm Yên đạt chuẩn theo tiêu chí huyện Nông thôn mới			109.925,00											Sở Công thương	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên															
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa															
5	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương															
(10)	Công trình công cộng tại các đô thị							100,00								
1	Xây dựng hệ thống thoát nước khu trung tâm huyện Yên Sơn đạt đô thị loại IV.							100,00							UBND huyện Yên Sơn	
(11)	Các dự án sử dụng vốn ODA			800.000,00				33,11	100,00	100,00						
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên, huyện Sơn Dương														BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungari
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai														Sở TN&MT	
3	Đầu tư xây dựng cầu Trường Thi bắc qua sông Lô tại TP Tuyên Quang			800.000,00											Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ưu đãi của Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM)
4	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang (Quốc lộ 2 đoạn tránh thành phố Tuyên Quang) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm, TPTQ														Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của Quỹ phát triển Á-rập Xê-út
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh Miền núi, Trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang							33,11	100,00	100,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Sử dụng vốn vay ODA của Nhật Bản (JICA)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Dự án "Phát triển CSHT thủy lợi nhỏ bao gồm cả cấp nước sinh hoạt và lồng ghép với hoạt động sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc thích ứng với biến đổi khí hậu" tỉnh Tuyên Quang.														Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của ngân hàng thế giới WB
7	Dự án xây dựng hệ thống giao thông nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang														Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
8	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang														Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
9	Dự án cung cấp nước sinh hoạt từ hồ nước sạch Na Hang cung cấp cho các huyện: Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang															
10	Dự án phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu															
11	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng toàn diện đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc															
12	Dự án phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp, vay vốn WB															
13	Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững-KfW9.2 (sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức)															
14	Dự án đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, cải thiện điều kiện dạy và học cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang															
15	Dự án "Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi và điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy"															
(12)	Bảo vệ môi trường															
1	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Hàm Yên															
2	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải, huyện Na Hang															
3	Nâng cấp mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
4	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															
5	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang															
6	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Tuyên Quang															
XII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								33.000,00	11.000,00	2.000,00	20.000,00				Có kế hoạch phân bổ riêng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyet	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2021	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:						
										XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới								33.000,00	11.000,00	2.000,00	20.000,00				
	Trong đó: Xây dựng huyện Hàm Yên đạt chuẩn nông thôn mới; gồm:								13.000,00	11.000,00	2.000,00					
	+ Xây dựng mở mới đường trục phát triển đô thị trên Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (điểm đầu Km173+550 điểm cuối Km 179+260 quốc Lộ 2 (chân dốc Đền)								5.000,00	5.000,00						
	+ Sửa chữa Nhà lớp học, nhà công vụ, bếp ăn, nước sạch, công trình vệ sinh xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên								3.000,00	3.000,00						
	+ Sửa chữa Nhà lớp học, nhà công vụ, bếp ăn, nước sạch, công trình vệ sinh xã Yên Phú, huyện Hàm Yên								3.000,00	3.000,00						
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững															
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030															
XIII	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG															
XIV	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH															Có kế hoạch phân bổ chi tiết hằng năm

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72 /NQ-HDND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG			5.743.463,41	5.417.702,94	4.652.659,38	764.919,91	4.854.888,09		
I.1	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi			1.207.740,30	1.181.794,72	1.095.857,23	299.698,77	1.094.849,87		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên		150 Ha	14.992,71	14.992,71	14.873,00		14.407,00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
2	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyên Quang (TPTQ)			385.624,47	381.937,00	378.431,00	299.698,77	376.524,63	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn TPCP (Đang quyết toán các hạng mục)
3	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang			49.966,00	49.966,00	48.899,00		48.424,20	Chi cục phát triển nông thôn	Dự án xin vốn NSTW
4	Khắc phục khẩn cấp sự cố tuyến đê tả Lô từ Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên (nay là xã Trường Sinh), đoạn qua xã Đông Thọ và xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương			28.028,78	28.028,78	28.028,78		28.028,78	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Vốn dự phòng NSTW
5	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang			14.950,00	14.950,00	14.950,00		14.000,00	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
6	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng sản xuất chè tập trung, an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyên Quang			105.000,00	82.759,90	82.759,90		36.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn đối ứng Ngân sách địa phương (Dự án trung ương đầu tư)
7	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối và cầu vượt suối tại thôn Bán Khiển, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình			31.339,00	31.339,00	31.339,00		30.000,00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn dự phòng NSTW
8	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên			85.000,00	84.982,00	58.000,00		58.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
9	Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa bố trí đủ vốn thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang theo QĐ số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007							33.992,73	(Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	
10	Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			297.701,34	297.701,34	270.637,58		291.130,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	
11	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		100.000,00	100.000,00	93.138,92		90.000,00	UBND huyện Sơn Dương	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương;	2020-2021		14.900,00	14.900,00	14.900,00		14.671,26	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
13	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		65.338,00	65.338,00	45.000,05		45.000,00	Sở NN&PTNT	
14	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương;	2020-2021		14.900,00	14.900,00	14.900,00		14.671,26	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
I.2	Giao thông			2.419.753,63	2.168.998,76	1.810.074,52	170.438,78	1.945.919,55		
1	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới);	2011-2017		70.005,00	70.005,00	67.501,00		58.501,30	UBND huyện Yên Sơn	
2	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31			85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
3	Đường Kiên Đài -Khuôn Miêng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miêng - thôn Nà Pó)	2018-2022		81.079,09	74.534,76	65.654,23		62.215,39	BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	
4	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.035m	130.274,90	100.919,515	94.721,766		94.190,00	UBND huyện Lâm Bình	
5	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào, từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua đóc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ cổng thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)	2011-2015	L=3,7km	279.085,65	129.962,27	126.962,27		124.819,67	UBND - TPTQ	
6	Dự án xây dựng cầu Tình Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2017-2020		852.219,54	822.284,00	760.361,88		766.977,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP + NSDP
7	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056,38	8.056,38	7.826,05		7.300,00	UBND huyện Yên Sơn	
8	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng Ấm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341,13	159.341,13	154.280,00		152.000,00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
9	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2015-2016	L=4km	14.105,81	14.105,81	13.451,40		13.866,37	UBND huyện Hàm Yên	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320,70	39.209,84	39.209,84		39.181,00	UBND thành phố Tuyên Quang	
11	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967,22	18.967,22	14.967,22		14.200,00	UBND huyện Yên Sơn	
12	Nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (giai đoạn 2), huyện Lâm Bình			108.562,00	108.562,00	101.871,00	93.783,42	93.309,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn ngân sách tỉnh
13	Công trình nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (Giai đoạn 1), huyện Lâm Bình	2013-2017		79.776,55	79.776,55	77.207,83	76.655,36	76.447,24	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn ngân sách tỉnh
14	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020		113.899,60	113.899,60	105.178,62		97.000,00	UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiền Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49.997,26	49.997,26	49.997,26		49.997,62	Sở Tài chính	
16	Đường từ Quốc lộ 2 vào Trụ sở làm việc của Huyện ủy và UBND huyện Hàm Yên			14.997,35	14.997,35	14.997,35		12.931,53	UBND huyện Hàm Yên	
17	Nâng cấp đường ĐH đoạn từ thôn Sài Lĩnh đến thôn Lãng cư xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021		19.544,10	19.544,10	15.980,00		13.892,15	UBND huyện Sơn Dương	Số vốn còn thiếu đã bố trí từ ngân sách huyện
18	Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		14.726,99	14.726,99	14.726,99		14.169,00	Sở Tài chính	Vốn NS tỉnh
19	Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình	2018-2020		65.395,93	50.188,00	50.188,00		50.188,00	Sở Giao thông Vận tải	
20	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31			85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
21	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Khuôn Phươn, huyện Na Hang	2016-2020		82.202,00	64.724,54	27.000,00		27.000,00	UBND huyện Na Hang	
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Hồng Quang đi thôn Thượng Minh, xã Hồng Quang huyện Lâm Bình	2020-2021		7.991,82	7.991,82	7.991,82		7.168,00	Ban Dân tộc	
I.3	Văn hóa - xã hội			971.060,57	948.113,77	898.404,43	234.680,51	875.022,47		
1	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940,28	24.940,28	24.720,00		21.992,05	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	
2	Quảng trường, Cụm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang; Tr. đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất thành	2012-2016		293.470,54	291.990,77	271.092,30	234.680,51	274.085,26	Sở Xây Dựng	Đang quyết toán các hạng mục
3	ĐT XD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang	2016-2020		100.000,00	92.421,73	90.420,73		79.000,00	UBND huyện Na Hang	
4	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2008-2011		82.358,55	82.358,55	81.458,55		79.772,70	VP Tỉnh ủy	
5	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998,08	14.998,08	14.987,73		14.225,30	Văn phòng Tỉnh ủy	
6	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711,53	7.711,53	7.677,15		7.354,16	UBND huyện Yên Sơn	
7	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			31.638,83	31.638,83	28.475,00		27.137,00	UBND huyện Hàm Yên	
8	ĐT XD công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		86.350,00	86.350,00	78.620,00		78.000,00	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	CTMT Phát triển Hạ tầng Du lịch
9	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065,30	8.065,30	8.065,30		7.445,00	BQL các Khu du lịch tỉnh	
10	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Tháng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015		32.016,00	32.016,00	27.000,00		28.900,00	UBND huyện Hàm Yên	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mộ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383,66	9.383,66	9.044,70		5.000,00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 trđ
12	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2019-2021		31.552,00	31.552,00	31.552,00		31.852,00	Sở Tài Chính	Nguồn vốn của Bộ Tài chính hỗ trợ; Vốn hỗ trợ của các DN thuộc Bộ Tài chính, vốn đóng góp của cán bộ công chức, người lao động
13	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA đi thôn Bản Bung, xã Thanh Trung, huyện Na Hang	2020-2021		13.357,41	13.357,41	13.357,41		12.350,00	UBND huyện Na Hang	QĐ 686/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 giao dự toán NS: 5.000 triệu đồng
14	Dự án Đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		7.064,80	7.064,80	7.064,80		5.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Số vốn còn thiếu bố trí từ Quỹ bảo vệ MT
15	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2016-2019		58.153,59	58.153,59	53.340,75		52.500,00	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	
16	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000,00	156.111,25	151.528,00		150.409,00	UBND huyện Na Hang	
	<i>Trong đó:</i>									
	- Hạ tầng xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ công trường cấp 3 Na Hang đến BQL đô thị (cũ)				108.278,00	107.428,00		108.278,00		
	- Hạ tầng công trình Quảng trường và Nhà văn hóa thể thao				47.833,25	44.100,00		42.131,00		
I.4	Y tế:			450.117,57	448.117,55	434.887,47	26.800,00	410.595,37		
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		2.478,24	2.478,24	2.087,39		2.320,13	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.072,57	3.072,57	2.940,61		3.050,0	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.768,23	3.768,23	3.178,03		2.236,53	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2018		4.367,54	4.367,54	4.324,00		4.132,17	UBND huyện Lâm Bình	
5	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898,85	268.898,82	268.898,82		268.890,00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
6	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932,14	162.932,14	150.858,62	26.800,00	127.366,54	UBND huyện Lâm Bình	
7	Sửa chữa nhà điều trị bệnh nhân Khối ngoại, Khối nội, Phụ sản và các chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh	2020		2.600,00	2.600,00	2.600,00		2.600,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I.5	Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:			356.194,88	352.404,85	249.394,02		228.248,67		
1	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	2008-2009		2.853,41	2.853,41	2.853,41		2.800,00	UBND huyện YS	
2	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2019-2021		19.950,00	19.950,00	19.340,64		15.900,00	UBND huyện Lâm Bình	
3	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2021		51.864,16	51.864,16	38.996,09		38.697,71	UBND huyện Hàm Yên	
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)	2016-2020		84.104,24	84.104,24				Công an tỉnh	
5	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2014-2015		5.065,48	5.065,48	5.013,19		4.707,54	UBND huyện Hàm Yên	
6	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127,44	7.127,44	6.802,77		6.650,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
7	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn	2017-2020		5.730,16	5.730,16	5.468,90		5.177,00	UBND huyện Yên Sơn	
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178,67	2.178,67	2.178,67		2.100,00	VP Tỉnh ủy	
9	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811,85	14.811,85	11.900,54		11.866,90	VP Tỉnh ủy	
10	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222,48	81.683,45	81.683,45		79.709,80	UBND huyện Yên Sơn	
11	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	2010-2011		4.592,58	4.592,58	4.576,51		4.100,00	UBND huyện CH	
12	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT & DL	2013-2015		14.992,47	14.992,47	13.410,00		14.172,00	Sở VH TT & DL	
13	Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020	2018-2021		46.251,00	43.000,00	43.000,00		30.000,00	Sở TT & TT	
14	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ	2019-2020		3.980,697	3.980,697	3.791,140		2.700,00	BCH Quân sự tỉnh	
15	Trụ sở UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2020-2021		4.981,660	4.981,660	4.963,974		4.550,00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
16	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		5.488,583	5.488,583	5.414,750		5.117,72	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
I.6	Giáo dục			145.212,78	142.183,66	135.219,04	20.565,69	132.010,29		
1	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211,64	50.182,52	48.376,73	20.565,69	48.250,18	UBND huyện Lâm Bình	
2	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019		28.733,18	28.733,18	26.531,03		26.840,377	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	2015-2016		7.983,70	7.983,70	7.751,16		7.295,80	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426,28	8.426,28	7.660,25		7.350,00	UBND huyện Na Hang	
5	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn	2008-2011		8.186,47	8.186,47	6.967,64		6.150,00	UBND huyện Yên Sơn	
6	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang			9.382,62	9.382,62	9.103,01		9.167,43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
7	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục nhà ký túc xá học sinh, sinh viên)	2018-2022		7.200,00	7.200,00	7.200,00		7.000,00	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động
9	Nhà lớp học các trường Mầm non, trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sử dụng nguồn dự phòng 10% vốn TPCP giai đoạn 2017-2020	2020-2021		13.747,00	13.747,00	13.729,12		12.384,45	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
10	Xây công trình Trường PTDTNT ATK Sơn Dương - giai đoạn 2	2020-2022		8.341,90	8.341,90	7.900,11		7.572,06	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
(8)	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			16.289,39	16.289,39	16.289,39		15.696,95		
1	Quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Bình	2020		1.381,15	1.381,15	1.381,15		1.381,00	UBND huyện Lâm Bình	
2	Quy hoạch sử dụng đất huyện Na Hang	2020		1.361,31	1.361,31	1.361,31		1.361,00	UBND huyện Na Hang	
3	Quy hoạch sử dụng đất huyện Chiêm Hóa	2020		2.843,78	2.843,78	2.843,78		2.843,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
4	Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên	2020		2.138,75	2.138,75	2.138,75		2.138,00	UBND huyện Hàm Yên	
5	Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Sơn	2020		2.734,75	2.734,75	2.734,75		2.374,00	UBND huyện Yên Sơn	
6	Quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương	2020		3.180,66	3.180,66	3.180,66		2.950,95	UBND huyện Sơn Dương	
7	Quy hoạch sử dụng đất thành phố Tuyên Quang	2020		2.649,00	2.649,00	2.649,00		2.649,00	UBND thành phố Tuyên Quang	
I.7	Công trình sử dụng vốn ODA			177.094,29	159.800,24	12.533,29	12.736,17	152.544,93		
1	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn			12.533,29	12.533,29	12.533,29	12.736,17	12.544,93	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn ODA chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (Vốn ADB)
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020 - do EU tài trợ			164.561,00	147.266,95			140.000,00	Sở Công thương	
I.8	Dự án xin hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương			811.601,28	664.551,17	389.883,95	207.155,10	257.253,10		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		80.000,00	32.552,00	32.522,00	31.749,46	31.749,46	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2021	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn	2012-2014		250.200,00	250.200,00	111.055,00	109.502,00	107.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW (đã phê duyệt quyết toán GD1)
3	Kè bờ sông Gâm đoạn qua thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	2009-2014	L=4000m	172.259,52	172.259,52	156.599,56		19.600,00	UBND huyện Chiêm Hoá	Dự án xin vốn của TW
4	DA nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm Tuyên Quang			61.372,00	61.372,00			10.000,00	Chi cục Kiểm Lâm	
5	Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLS ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương	2011-2014		99.375,35	99.157,52	41.290,56	41.290,56	41.290,56	UBND huyện Sơn Dương	Dự án xin vốn của TW
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2013-2015		49.730,66	12.557,55	12.557,55	12.557,55	12.557,55	UBND huyện Hàm Yên	Dự án xin vốn của TW
7	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khuổi Giáng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2013-2015		49.963,76	17.039,50	16.559,28		16.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Dự án xin vốn của TW
8	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700,00	19.413,09	19.300,00	12.055,54	19.055,54	Sở NN&PTNT	Dự án xin vốn của TW